

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1p 3p	1 Khởi động: 2. Bài cũ	<ul style="list-style-type: none"> - Ông và cháu. - Gọi 3 HS lên bảng - GV đọc cho HS viết. HS dưới lớp viết vào bảng con. - Nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - HS viết theo lời đọc của GV
32p	3. Bài mới a/Giới thiệu: b/Hướng dẫn tập chép	<p><i>- Trong giờ chính tả hôm nay lớp mình sẽ chép lại phần cuối của bài tập đọc Bà cháu. Ôn lại một số quy tắc chính tả.</i></p> <p>a) Ghi nhớ nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo bảng phụ và yêu cầu HS đọc đoạn cần chép H: Đoạn văn ở phần nào của câu chuyện? H: Câu chuyện kết thúc ra sao? <p>H: Tìm lời nói của hai anh em trong đoạn?</p> <p>b) Hướng dẫn cách trình bày</p> <ul style="list-style-type: none"> H: Đoạn văn có mấy câu? H: Lời nói của hai anh em được viết với dấu câu nào? - <i>Kết luận:</i> Cuối mỗi câu phải có dấu chấm. Chữ cái đầu câu phải viết hoa. <p>c) Hướng dẫn viết từ khó</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc các từ dễ lẫn, khó và viết bảng các từ này. - Yêu cầu HS viết các từ khó <p>d) Chép bài</p> <p>e) Soát lỗi</p> <p>g) Chữa bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành tương tự các tiết trước 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giới thiệu bài. - 2 HS lần lượt đọc đoạn văn cần chép. - Phần cuối - Bà móm mém, hiền từ sống lại còn nhà cửa, lâu đài, ruộng vườn thì biến mất. -“Chúng cháu chỉ cần bà sống lại” - 5 câu - Đặt trong dấu ngoặc kép và sau dấu hai chấm - Đọc và viết bảng các từ: sống lại, màu nhiệm, ruộng vườn, móm mém, dang tay. - 2 HS viết bảng lớp. HS dưới lớp viết bảng con
	c/ Hướng dẫn làm bài tập		

2p	chính tả Bài 2	<ul style="list-style-type: none"> * Gọi HS đọc yêu cầu. - Gọi 2 HS đọc mẫu - Dán bảng gài và phát thẻ từ cho HS ghép chữ - Gọi HS nhận xét bài bạn 	<ul style="list-style-type: none"> * HS đọc y/c bài - ghé, gò - 3 HS lên bảng ghép từ: ghi / ghi; ghê / ghé; - Nhận xét Đúng / Sai
	Bài 3	<ul style="list-style-type: none"> *Gọi 1 HS đọc yêu cầu - Ghi bảng : gh + e, i, ê. g + a, ă, â, o, ô, ơ 	<ul style="list-style-type: none"> *Đọc yêu cầu trong SGK - Viết gh trước chữ: i, ê, e.
	Bài 4	<ul style="list-style-type: none"> * Gọi HS đọc yêu cầu. - Treo bảng phụ và gọi 2 HS lên bảng làm. Dưới lớp làm vào vở 	<ul style="list-style-type: none"> * Điền vào chỗ trống s hay x, ươn hay ương. a) nước sôi; ăn xôi; cây xoan; siêng năng. b) vươn vai; vương vãi, bay lượn; số lượng. - HS nhận xét : Đúng / Sai - Cả lớp thực hiện.
	4.Củng cố Dặn dò:	<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nhận xét. - Nhận xét tiết học. - Dặn dò HS về nhà ghi nhớ quy tắc chính tả g/gh - Chuẩn bị: Cây xoài của ông em. 	

THỦ CÔNG

ÔN TẬP KIỂM TRA CHƯƠNG I – KỸ THUẬT GẤP HÌNH(tiết 1)

I. MỤC TIÊU:

-Nhằm đánh giá kiến thức,kĩ năng của hs qua sản phẩm là một trong những hình gấp đã học.

- Gấp được ít nhất một hình để làm đồ chơi.
- HS khéo tay gấp được ít nhất 2 hình để làm đồ chơi. Hình gấp cân đối.

II.ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC :

- Giáo viên : Các mẫu hình gấp của bài 1,2,3.
- Học sinh : Giấy thủ công để gấp hình.

III.HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1p	1.Ổn định :	-Yêu cầu hs hát.	-Hát.
3p	2.Bài cũ :	-GV kiểm tra sự chuẩn bị của hs. -Nhận xét.	-Đề đồ dùng lên bàn.
30p	3. Bài mới :		
1p	a.Giới thiệu :	- <i>Ghi tựa lên bảng</i>	
20p	b. Kiểm tra	Đề kiểm tra : “Em hãy gấp một trong những hình gấp đã học ở bài 1,2 3.” -GV nêu mục đích yêu cầu của	-Nghe và lưu ý.

<p>9p</p>	<p><i>c/ Đánh giá</i></p>	<p>bài kiểm tra : Hình gấp phải thực hiện đúng qui trình,cân đối,các nếp gấp thẳng,phẳng. -Yêu cầu hs nêu tên các hình gấp đã học ở bài 1,2 3.</p> <p>-Tổ chức cho hs làm bài kiểm tra.</p> <p>-GV quan sát,theo dõi từng hs để giúp đỡ những em còn yếu,khuyến khích những em gấp đẹp,đúng yêu cầu.</p> <p>-GV đánh giá kết quả kiểm tra qua sản phẩm của hs theo 2 mức :</p> <p>+Hoàn thành :</p> <p>-Chuẩn bị đầy đủ nguyên vật liệu thực hành.</p> <p>-Gấp hình đúng quy trình.</p> <p>-Hình gấp cân đối,nếp gấp phẳng,thẳng.</p> <p>+ Chưa hoàn thành :</p> <p>- Gấp chưa đúng quy trình.</p> <p>-Nếp gấp không phẳng,hình gấp không đúng hoặc không làm ra được sản phẩm.</p> <p>-GV cho hs tự đánh giá sản phẩm của mình trước.</p> <p>-GV biểu dương những em gấp đúng và biết trang trí sản phẩm đẹp,động viên những em có nhiều cố gắng.</p> <p>-GV nhận xét ý thức chuẩn bị bài và tinh thần,thái độ làm bài kiểm tra của hs.Rút kinh nghiệm để giờ kiểm tra sau thực hiện được tốt hơn.</p> <p>-Chuẩn bị giấy thủ công cho tiết kiểm tra sau.</p>	<p>-HS nêu : Gấp tên lửa,gấp máy bay phản lực,gấp máy bay đuôi rời.</p> <p>-HS tiến hành làm bài kiểm tra bằng cách chọn 1 trong 3 hình đã học để gấp.</p>
<p>2p</p>	<p>4. Nhận xét-dẫn dò :</p>		<p>-HS lần lượt tự đánh giá sản phẩm của mình.</p> <p>-Nghe gv đánh giá nhận xét.</p> <p>-Nghe và chuẩn bị theo yêu cầu của gv.</p>

Tiết 53: 32 – 8

I. MỤC TIÊU :

- Giúp HS:Biết cách thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 32 – 8.
- Biết giải các bài toán có một phép trừ dạng 32 – 8.
- Biết tìm số hạng của một tổng. Làm được các BT1(dòng1),BT2(a/b), BT3,4 trong SGK.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- GV: Bộ thực hành toán. Que tính
- HS: Vở, bảng con. Que tính

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1p 3p	1. <u>Khởi động:</u> 2. <u>Bài cũ</u>	- Gọi HS lên bảng đọc thuộc lòng bảng công thức 12 trừ đi một số. - Nhận xét	- Hát -HS đọc, bạn nhận xét.
30p	3. <u>Bài mới</u> a/ <u>Giới thiệu</u> b/ <u>Phép trừ 32 – 8</u>	- <i>Trong bài học hôm nay chúng ta học về phép trừ có nhớ dạng 32 – 8</i> - <i>Ghi đầu bài lên bảng.</i> * Bước 1: Nêu vấn đề - Nêu: Có 32 que tính, bớt đi 8 que tính. Hỏi còn bao nhiêu que tính? Hỏi: Để biết còn lại bao nhiêu que tính chúng ta phải làm như thế nào? -Viết lên bảng 32 – 8 *Bước 2: Đi tìm kết quả -Yêu cầu 2 em ngồi cạnh nhau thảo luận, tìm cách bớt đi 8 que tính và nêu số que còn lại. Hỏi: Còn lại bao nhiêu que tính *Bước 3: Đặt tính và thực hiện tính - Cho HS nêu cách tính.	- HS chú ý nghe. -Nghe và nhắc lại đề toán -Chúng ta phải thực hiện phép trừ 32 - 8 -Thảo luận theo cặp. Thảo tác trên que tính - Còn lại 24 que tính. - 32 trừ 8 bằng 24 $\begin{array}{r} 32 \\ - \\ \underline{8} \\ 24 \end{array}$
	c/ <u>Thực hành</u> Bài 1:	*Yêu cầu HS tự làm bài. Gọi 3 HS lên bảng làm bài. - Nêu cách thực hiện phép tính:	- Làm bài cá nhân

3p	Bài 2:	<p>52 – 9, 72 – 8, 92 – 4</p> <p>- Nhận xét</p> <p>*Yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài.</p> <p>H: Để tính được hiệu ta làm như thế nào?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài. 2 HS làm trên bảng lớp.</p>	<p>- HS trả lời.</p> <p>- Đọc đề bài.</p> <p>- Ta lấy số bị trừ, trừ đi số trừ</p> $\begin{array}{r} 72 \\ - 42 \\ \hline 7 \\ 65 \end{array}$ $\begin{array}{r} 42 \\ - 36 \\ \hline 6 \\ 36 \end{array}$
	Bài 3:	<p>- Gọi HS nhận xét bài của bạn</p> <p>- Yêu cầu 2 HS lên bảng nêu lại cách đặt tính</p> <p>- Nhận xét</p> <p>* Gọi 1 HS đọc đề bài</p> <p>- Cho đi nghĩa là thế nào?</p> <p>- Yêu cầu HS tự ghi tóm tắt và giải.</p> <p>Tóm tắt</p> <p>Có : 22 nhãn vở</p> <p>Cho đi : 9 nhãn vở</p> <p>Còn lại: nhãn vở?</p>	<p>- Nhận xét từng bài</p> <p>- 2 HS lần lượt trả lời.</p> <p>- Đọc đề bài.</p> <p>- Nghĩa là bớt đi, trừ đi</p> <p>- HS thực hiện.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số nhãn vở Hòa còn lại là:</p> $22 - 9 = 13 \text{ (nhãn vở)}$ <p style="text-align: center;">Đáp số: 13 nhãn vở</p>
	Bài 4:	<p>*Gọi 2 HS đọc y/c của bài</p> <p>H: x là gì trong các phép tính?</p> <p>H: Muốn tìm số hạng chưa biết ta làm thế nào?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>*Yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính và thực hiện phép tính</p> <p>32 – 8.</p> <p>- Nhận xét và tổng kết</p>	<p>- HS thực hiện.</p> <p>- Tìm x</p> <p>-x là số hạng chưa biết trong phép cộng.</p> <p>- Lấy tổng trừ đi số hạng đã biết</p> <p>- Làm bài tập.</p> <p>- HS nêu.</p>
	4.Củng cố: <u>Dặn dò:</u>		

TẬP ĐỌC

CÂY XOÀI CỦA ÔNG EM

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Rèn kỹ năng đọc thành tiếng:

- Đọc trơn toàn bài. Biết ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu, giữa các cụm từ dài.
- Biết đọc bài văn với giọng nhẹ nhàng, tình cảm.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng đọc hiểu: Nắm được nghĩa các từ mới: lẫm chẫm, đu đưa, đậm đà, trảy ...

- Hiểu nội dung bài: Miêu tả cây xoài ông trồng và tình cảm thương nhớ, biết ơn của hai mẹ con bạn nhỏ với người ông đã mất.

3. Thái độ: Kính yêu, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC